

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ EA PÓK

---000---

Số: Q/BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

---000---

CưM'Gar, ngày 01 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO **Kết quả hoạt động SXKD năm 2020**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ EA PÓK

Năm 2020 là một năm có nhiều sự đổi mới đối với Công ty cổ phần cà phê Ea Pók. Số dư lợi nhuận sau phân phối tại BCTC cho giai đoạn từ 20/11/2018 đến ngày 31/12/2019 là (8.098) triệu đồng.

Bước sang năm 2020, Thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ và với quyết tâm của HĐQT, Ban Giám đốc mở rộng thêm nhiều ngành nghề như: Trong lĩnh vực nông nghiệp tự đầu tư Nhà kính ươm giống trị giá hơn 400 triệu đồng để cung cấp giống ớt Chi Thiên Chánh phong 04 và giống sầu riêng Đô Na để trồng hơn 40 ha, đồng thời triển khai trồng 36 ha ớt trên diện tích đất thanh lý cà phê chưa tái canh; Trong lĩnh vực xây dựng: đầu tư mở rộng và cải tạo lại hệ thống chuồng trại, kho xưởng để phục vụ sản xuất, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đồng thời cải tạo mái để hợp tác kinh doanh điện năng lượng mặt trời.

Nhờ vào sự quyết tâm mạnh mẽ và sự chỉ đạo sáng suốt chuyển đổi mô hình hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc công ty, kết hợp với sự nỗ lực, đoàn kết thống nhất cao của toàn bộ máy mà kết quả hoạt động SXKD năm 2020 có nhiều khởi sắc hơn so với năm 2019. Tổng doanh thu năm 2020 toàn công ty đạt 78,7 tỷ đồng đạt 96% so với năm 2019; Lợi nhuận đạt 84,8 triệu tăng 8,18 tỷ đồng so với năm 2019.

Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính đã được kiểm toán bởi CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM tại ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cà phê Ea Pók xin báo cáo chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 cụ thể như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ngành cà phê:

Công ty có diện tích cà phê là 363,5 ha, được giao khoán ổn định đến từng hộ gia đình nhận khoán theo từng chu kỳ sản xuất. Người lao động chủ động sản xuất, chăm sóc, bảo vệ và thu hoạch. Công ty chủ động điều hành, đầu tư tưới nước, phân bón, phòng chống dịch bệnh và làm dịch vụ chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Tưới nước 1.372,6 ha/lần tưới (4 lần tưới/năm). Chi phí tưới nước bình quân 2.316.883 đồng/ha.



Năm 2020 Công ty thu hoạch được 1.316 tấn cà phê tươi tương đương với 293 tấn cà phê nhân xô đạt, sản lượng phần cứng bình quân đạt 3.6 tấn tươi/ha. Ngoài ra, trong năm 2020 Công ty còn tổ chức thu mua 1.320,6 tấn cà phê nhân xô từ các vườn cà phê nhận khoán và người dân trên địa bàn.

Trong năm 2020 Công ty tiêu thụ được 1.614,6 tấn cà phê thành phẩm đạt 64,6% so với kế hoạch. Trong đó sản lượng cà phê từ nguồn sản xuất 294 tấn; thu mua 1.320,6 tấn cà phê.

Doanh thu từ việc tiêu thụ cà phê đạt 56,94 tỷ đồng với giá bán bình quân 35.264,6 đồng/kg. Cơ cấu tiêu thụ cà phê thành phẩm như sau:

Diễn giải	Số lượng (tấn)	Doanh thu trong năm		Đơn giá (đồng/tấn)
		Thành tiền (USD)	Thành tiền (triệu đồng)	
Cà phê sản xuất	294	159.163,7	11.218,1	38.155
Xuất khẩu trực tiếp	107,3	159.163,7	3.676,5	34.263
Bán nội địa	186,7		7.541,6	40.394
Cà phê thu mua	1.320,6	1.198.918,81	45.720,7	34.621
Xuất khẩu trực tiếp	850,7	1.198.918,81	29.203	34.328
Bán nội địa	469,9		16.517,7	35.152
Cộng	1.614,6	1.358.082,5	56.938,8	35.264,6

Tổng lượng xuất khẩu trực tiếp 958 tấn, kim ngạch thu về 1.358.082,5 USD, doanh thu 32.879,5 triệu đồng.

Tổng lượng xuất bán nội địa 656,6 tấn, doanh thu 24.059,3 triệu đồng.

Lỗ từ ngành cà phê sản xuất là: (7.569) triệu đồng.

Lỗ từ ngành thu mua - xuất khẩu cà phê là (625) triệu đồng.

Tổng lỗ từ ngành cà phê là (8.194) triệu đồng.

Nguyên nhân lỗ của ngành cà phê:

Thứ nhất: Ngành cà phê sản xuất là lỗ 7.569 triệu đồng là do chi phí khấu hao sau cở phần hóa tăng đột biến, từ 1.700 triệu đồng/ năm tăng lên 8.273 triệu đồng/năm. Đặc biệt là giá trị nguyên giá của vườn cây cà phê tăng từ 9.200 triệu đồng lên 60.937 triệu đồng, khấu hao vườn cây tăng từ 242 triệu đồng/năm lên 4.782 triệu đồng/năm. Dẫn đến giá thành cà phê sản xuất tăng từ 24.752 đồng/kg lên 44.035 đồng/kg, giá bán điểm hòa vốn mỗi kg cà phê nhân xô là 60.745 đồng/kg. Như vậy, cứ tiêu thụ 1 kg cà phê nhân xô từ sản xuất Công ty lỗ 25.744 đồng/kg.

Thứ hai: Ngành thu mua - xuất khẩu cà phê lỗ 625 triệu đồng, chủ yếu là do lỗ từ xuất khẩu. Giá bán bình quân xuất khẩu thấp hơn giá bán nội địa từ 825 đồng/kg, trong khi chi phí xuất khẩu 1 kg cà phê nhân xô cao hơn chi phí tiêu thụ nội địa là 1.598 đồng/kg.

2. Ngành chăn nuôi:

Quy mô tổng đàn bò kiểm kê tại ngày 31/12/2020 là 384 con, trọng lượng 84.914 kg. Trong đó: bò đực giống 4 con, trọng lượng 2.647 kg; bò cái sinh sản là 148 con, trọng lượng 44.0888 kg; bò cái hậu bị 17 con, trọng lượng 4.583 kg; bê cái tách mẹ 75 con, trọng lượng 14.436 kg; bê đực tách mẹ 31 con, trọng lượng 5.172 kg; bê cái theo mẹ 51 con, trọng lượng 4.708 kg; bê đực theo mẹ 48 con, trọng lượng 5.089 kg; bò sữa cái sinh sản 7 con, trọng lượng 3.553 kg; bê tơ lờ sữa 3 con, trọng lượng 638 kg.

Số bê sinh ra trong kỳ 120 con/120 con, đạt 100% so với kế hoạch. Tăng trọng đạt 28,1 tấn/32 tấn, giảm 3,9 so với kế hoạch.

Bò bán trong kỳ 173 con/146 con; trọng lượng xuất bán 38.165kg/33.885 kg, đạt 112,6% so với kế hoạch; doanh thu 2.978 triệu đồng/2.541 triệu đồng, đạt 117,2% so với kế hoạch.

Khai thác sữa bò tươi được 7.218,5 lít, tiêu thụ 2.404,1 lít, doanh thu đạt 33,7 triệu đồng. Số sữa khai thác còn lại chủ yếu phục vụ cho bê bú và bò gầy.

Khai thác sản phẩm phụ ngành chăn nuôi 274,7 tấn phân bò, trong đó: Tồn đầu ký là 120 tấn phân bò; chuyển sản xuất phân vi sinh là 225,2 tấn trị giá 450 triệu đồng; bán tiêu thụ được 64,9 tấn, thu tiền về là 129,9 triệu đồng.; tồn cuối kỳ là 100 tấn phân bò.

Tổng doanh thu ngành Chăn nuôi là 3.142 triệu đồng đạt 123,6 % so với kế hoạch. Tổng chi phí 2.835 triệu đồng, Lợi nhuận ngành chăn nuôi đạt 103,3 triệu đồng.

3. Ngành trồng Ớt Chỉ thiên Chánh phong 04F1:

Năm 2020 là năm đầu tiên Công ty trồng 36,16 ha ớt chỉ thiên Chánh phong 04F1. Trong đó tại Đơn vị Đội 1 là 21,29 ha (Vùng 81+ vùng 83+ vùng 9,4 ha + Hồ lô 3), Đội 4 là 11,01 ha (Lô 2 và lô 3 vùng A1), Đội 5 là 3,88 ha (Lô 4 và lô 5).

Sau gần ba tháng trồng, chăm sóc, cây ớt bắt đầu cho thu hoạch với năng suất trung bình thu được trong năm 2020 là 7.725 kg/ha. Sản lượng ớt thực tế thu được trong năm 2020 là 279.357 kg. Tổng chi phí phát sinh trong năm 2020 là 7.156 triệu đồng. Suất đầu tư bình quân 1 ha trong năm 2020 là 197,8 triệu đồng/kg. Giá thành 1 kg ớt chỉ thiên nhập kho là 22.299,76 đồng/kg. Doanh thu đạt 17.579 triệu đồng. Lợi nhuận ngành trồng ớt Chỉ thiên năm 2020 đạt 10.118 triệu đồng.

Sản lượng dự kiến thu được của 36,16 ha trong năm 2021 là 229.900 kg. Tổng sản lượng dự kiến thu được của 36,16ha cả vụ ớt 2020-2021 là 509.257 kg. Sản lượng bình quân đạt 14 tấn/ha. Dự kiến tận thu và dọn vườn trước 31/05/2021 để chuyển sang trồng các loại cây trồng khác.

Tổng chi phí tiền lương chi trả cho người lao động từ việc nhận khoán trồng ớt trong năm 2020 là 2.371 triệu đồng. Thu nhập bình quân 1 hộ nhận khoán trồng ớt trong năm 2020 là 64 triệu đồng/hộ/6 tháng.

4. Kết quả kinh doanh toàn công ty năm 2020:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ %
		98.207	112.995	115
1	Tổng giá trị tài sản	81.970	78.378	95,6
2	Doanh thu thuần	-7.617	2.152	-28,3
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-480	-2.042	425
4	Lợi nhuận khác	-8.098	110	-1,36
5	Lợi nhuận trước thuế	-8.098	110	-1,36
6	Lợi nhuận sau thuế			

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(ĐVT: VN Đồng)

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020	Tỷ lệ %
		98.207.095.046	112.995.785.997	115
A	Tổng tài sản	26.677.632.765	50.311.844.326	188,6
I	Tài sản ngắn hạn	43.539.945	852.024.490	1.956
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6.592.624.218	29.269.343.418	443,9
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	4.222		
	Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
3	Hàng tồn kho	18.843.907.968	18.772.171.276	99,6
4	Tài sản ngắn hạn khác	1.197.560.634	1.418.305.142	118,4
II	Tài sản dài hạn	71.529.462.281	62.683.941.651	87,64
1	Tài sản cố định	67.839.932.330	60.870.970.975	89,7
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.046.913.293	388.707.803	19
3	Tài sản dài hạn khác	1.642.616.658	1.424.262.873	86,7
B	Tổng nguồn vốn	98.207.095.046	112.995.785.977	115
III	Nợ phải trả	12.419.692.519	27.098.198.584	218,2
1	Nợ ngắn hạn	11.001.335.519	21.498.198.584	195,4
3	Nợ dài hạn	1.418.357.000	5.600.000.000	394,8
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	85.787.402.527	85.897.587.393	100

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn công ty trong niên độ kế toán năm 2020 Công ty cổ phần cà phê Ea Pôk.

Cảm ơn Đại hội đồng cổ đông đã chú ý lắng nghe. Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.

